

Bản án số: 57/2017/HS-PT

Ngày: 07 - 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương

Ông Ma Hồng Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 95/2017/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Trịnh Văn T do có kháng cáo của người bị hại Bàn Văn D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 85/2017/HS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị cáo:

Trịnh Văn T, sinh ngày 25 tháng 02 năm 1971 tại TY, SD, Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn QH, xã TY, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Q, sinh năm 1946 và bà Lý Thị N, sinh năm 1949; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/3/2017 đến nay; hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Văn Vũ – Trợ giúp viên pháp lý do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang cử bào chữa; có mặt.

- Người bị hại: Anh Bàn Văn D, sinh năm 1988; trú tại: thôn KĐ, xã TY, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Bà Hà Minh Phương - Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Phúc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang do Đoàn Luật sư cử; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phùng Văn L, sinh năm 1985;
2. Bà Bàn Thị T1, sinh năm 1966;
3. Anh Phùng Văn T2, sinh năm 1998;

Cùng trú tại: thôn KĐ, xã TY, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; (anh L có mặt, bà T1 và anh T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/01/2017, Trịnh Văn T đến quán nhà anh Phùng Văn Q tại thôn KĐ, xã TY, huyện SD để cắt tóc. Khi chờ cắt tóc, T mua 02 chai bia Hà Nội (loại chai thủy tinh màu nâu) để uống, ngồi cùng bàn với T có anh Phùng Văn L, anh Bàn Văn D. Trong lúc ngồi uống bia, giữa T và anh D xảy cãi nhau, nguyên nhân do hai bên gạ gẫm trong việc đánh bi a. Sau khi lời qua tiếng lại, D đứng dậy tay phải cầm ống điều đang dùng để hút thuốc lòn nói với T “Mày chỉ cần du tao một phát thôi”. Thấy vậy, anh L can ngăn và cầm ống điều từ tay D đem sang để ở hiên nhà bà Bàn Thị T1 ở liền kề nhà anh Q. Lúc này, T đứng dậy nói với D “Mày thích đánh nhau thì xuống đường”, đồng thời T cúi xuống mỗi tay cầm một vỏ chai bia Hà Nội đập vào nhau làm hai vỏ chai bia vỡ chỉ còn lại phần cổ chai (01 cổ chai dài 10cm, 01 cổ chai dài 06cm) tiến về phía D. Khi cách anh D khoảng 01 mét, T dùng hai tay vung chéo chéo theo hướng từ dưới lên đâm vào vùng mặt và vùng mắt phía bên trái của D, mọi người vào can ngăn thấy D bị thương chảy nhiều máu đã đưa D đi cấp cứu; còn T bị thương tích nhẹ ở bàn tay phải do khi T đập chai bia vào nhau, bị cổ chai bia vỡ cửa vào tay.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 34/2017/TgT ngày 13/3/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận đối với anh Bàn Văn D: Về thương tích: Sống mũi bên trái có sẹo kích thước (4x0,2)cm; môi trên bên trái có 02 sẹo kích thước (2x0,2)cm và (1x0,2)cm; má bên trái có sẹo kích thước (2x0,2)cm; vành tai bên trái có sẹo đứt ngang đến sau mang tai dài 4,5cm, rộng 0,6cm; vùng cổ bên trái có 03 sẹo hướng trước ra sau kích thước mỗi vết dài 1,5cm, rộng 0,3 cm; mắt trái vỡ nhãn cầu đã điều trị bảo tồn. Các sẹo vùng mặt, cổ, vành tai có ảnh hưởng đến thẩm mỹ: 15 %; Chấn thương vỡ nhãn cầu gây mù mắt trái chưa khoét bỏ nhãn cầu: 41%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 50% (Năm mươi phần trăm) theo phương pháp cộng lùi. Các thương tích trên là do vật cứng có góc cạnh sắc tác động trực tiếp gây nên.

Tại Kết luận giám định số 1269/C54(TT3) ngày 20/4/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Các dấu vết nghi máu ghi thu trên cổ chai bia dài 10 cm (ký hiệu là A1) và trên cổ chai bia dài 06 cm (ký hiệu là A2) là máu của Trịnh Văn T. Quá trình điều tra, Trịnh Văn T từ chối giám định thương tích.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2017/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

*Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017;

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104); các điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm d khoản 1 điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam (ngày 22/3/2017).

*Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; các điều 357, 468, 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; xử:

Bị cáo Trịnh Văn T phải bồi thường thiệt hại cho anh Bàn Văn D tổng số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Được trừ vào số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) đã tự nguyện bồi thường. Bị cáo Trịnh Văn T còn phải bồi thường cho bị hại Bàn Văn D số tiền là 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng).

Việc bồi thường thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về việc chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017, người bị hại Bàn Văn D có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ngoài ra, đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng “Có tính chất côn đồ” là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự mà không áp dụng là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự như cấp sơ thẩm đã áp dụng. Từ lý do trên, bị hại cho rằng mức án 06 năm tù cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nhẹ, đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm tù trở lên mới phù hợp. Về bồi thường dân sự, giữ nguyên mức bồi thường là 100.000.000đ nhưng trong đó không tính 10.000.000đ chi phí lấp mắt giả mà số tiền 10.000.000đ tính vào tiền mất thu nhập bị giảm sút sau điều trị của bị hại; còn chi phí lấp mắt giả chưa yêu cầu bồi thường để lại sau này bị hại lấp mắt giả xong có tài liệu, chứng cứ chứng minh về chi phí lấp mắt giả sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Bị cáo nhất trí về bồi thường dân sự như người bị hại, người bảo vệ quyền lợi cho bị hại đưa ra như trên; về mức án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của người bị hại là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tổ tụng.

Về nội dung kháng cáo: Bị cáo đang bị tạm giam, thuộc hộ nghèo nhưng đã tác động đến gia đình bồi thường cho bị hại 5.000.000đ gần bằng số tiền bị hại bỏ ra để chi phí cho việc điều trị thương tích nên cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “bồi thường” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “Có tính chất côn đồ” theo điểm d khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là không đúng mà phải áp dụng là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt (quy định tại điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự) đối với bị cáo. Như vậy, bị cáo phạm tội thuộc các trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” quy định tại Khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự). Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, gây hậu quả làm mù một mắt của người bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Trịnh Văn T 06 (sáu) năm tù là hơi nhẹ nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại sửa một phần bản án sơ thẩm về tăng mức án tù đối với bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường dân sự, tại phiên tòa bị hại và bị cáo thống nhất các khoản bồi thường và mức bồi thường như bị hại yêu cầu nên công nhận sự thỏa thuận đó.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 104 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 104); các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017;

Điểm b khoản 2 Điều 248; khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2017/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 22/3/2017.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo về các khoản bồi thường và tổng số tiền bồi thường là 100.000.000đ; tách phần chi phí về lắp mắt giả để giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn khởi kiện của bị hại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư Hà Minh Phương bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị hại: không nhất trí áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 và Nghị quyết 41 của Quốc hội cho bị cáo; lý do không nhất trí như đã trình bày trên, đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo 08 năm tù mới thỏa đáng.

Bị hại Bàn Văn D, nhất trí lời trình bày của luật sư Hà Minh Phương, không bổ sung gì thêm.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo, ông Hoàng Văn Vũ trình bày luận cứ bào chữa: Không nhất trí đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng tình tiết tăng nặng định khung “Có tính chất côn đồ” và tăng nặng hình phạt tù đối với bị

cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án 06 năm tù bản án sơ thẩm đã tuyên. Về bồi thường dân sự, nhất trí như đề nghị của bị hại và của Kiểm sát viên.

Bị cáo nhất trí lời bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì.

Phản đối đáp, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung đã phát biểu, những người tham gia tranh luận khác giữ nguyên nội dung đã tranh luận.

Bị cáo Trịnh Văn T nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình, bị cáo chưa có vợ con, bố mẹ già để giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo của người bị hại là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định. Tuy nhiên, Danh bản số 55 lập ngày 24/3/2017 tại Công an huyện SD ghi *Trịnh Văn T bị bắt ngày 21/01/2017* (Bl số 285) là không chính xác (bắt trước ngày bị cáo phạm tội), không phù hợp với Biên bản về việc bắt người lập hồi 17 giờ 05 ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện SD (Bl số 14) và lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Trịnh Văn T bị bắt để tạm giam là ngày **22 tháng 3 năm 2017**.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trịnh Văn T tiếp tục nhận tội và thừa nhận thương tích của bị hại Bàn Văn D là do bị cáo gây ra, không có ý kiến về kết luận giám định đối với bị hại Bàn Văn D. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 104 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về áp dụng các tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo phạm tội thuộc các trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” là hai tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự; với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích bị cáo gây ra cho bị hại Bàn Văn D là 50% nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ áp dụng một tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “Dùng hung khí nguy hiểm” còn tình tiết “Có tính chất côn đồ” áp dụng là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp nên khi quyết định hình phạt cấp phúc thẩm áp dụng lại cho đúng.

[4] Xét nội dung kháng cáo và lời trình bày tại phiên tòa của người bị hại Bàn Văn D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 18/9/2017, bị hại Bàn Văn D đã nhận của anh Trịnh Văn K (đại diện gia đình bị cáo Trịnh Văn T), số tiền bồi thường là 5.000.000đ (Bl số 306). Bản án sơ thẩm đã nhận định “Tuy bị cáo chưa tích cực bồi thường, nhưng do bị

cáo thuộc diện hộ nghèo, sống cùng bố mẹ già, chưa có vợ con, khoản tiền bồi thường 5.000.000đ gần tương đương với chi phí cứu chữa mà bị hại đã chi phí là 6.545.000đ...” nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên giữ nguyên việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo. Về áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 của cấp sơ thẩm. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2017 thì khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 của Tội cố ý gây thương tích quy định khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm, nhẹ hơn khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999 quy định khung hình phạt tù từ 05 năm đến 15 năm. Như vậy, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội để xem xét khi lượng hình phạt đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội có 02 tình tiết định khung tăng nặng hình phạt, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhiều vết thương trên vùng mặt, cổ, tai và làm mù mắt trái của người bị hại, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 06 năm tù là nhẹ chưa tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội bị cáo đã gây ra nên chấp nhận kháng cáo của bị hại Bàn Văn D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cần tăng mức án tù đối với bị cáo.

[5] Về mức bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, bị hại và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận về các khoản bồi thường và tổng số tiền bồi thường là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); cụ thể:

- Chi phí khám điều trị tại Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang: 180.000đ;
- Chụp cắt lớp tại Bệnh viện Việt Đức: 1.020.000đ;
- Mổ, khâu tai mũi tại Bệnh viện Răng- Hàm-Mặt: 3.000.000đ;
- Xét nghiệm tại Bệnh viện Mắt Trung ương: 145.000đ;
- Thuê xe cấp cứu từ xã TY đi Bệnh viện SD: 600.000đ;
- Thuê xe từ Bệnh viện Mắt Trung ương về xã TY: 1.600.000đ;
- Thu nhập bị mất của bị hại trong 10 ngày điều trị: 1.200.000đ;
- Thu nhập bị mất của người chăm sóc bị hại trong 10 ngày: 1.200.000đ;
- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho bị hại trong 10 ngày: 2.000.000đ;
- Thiệt hại tổn thất tinh thần: 25 tháng lương cơ sở x 1.300.000đ/tháng = 32.500.000đ;
- Tiền thu nhập bị giảm sút sau điều trị cho bị hại: 56.555.000đ.

Tổng số tiền bồi thường được trừ 5.000.000đ (Năm triệu đồng), gia đình bị cáo đã bồi thường; số tiền bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng).

Tách phần chi phí lắp mắt giả của bị hại Bàn Văn D để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn khởi kiện của bị hại kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[6] Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; khoản 3 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị hại Bàn Văn D, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2017/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện SD, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 104 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 104); các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999;

Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Xử phạt: Trịnh Văn T **06** (sáu) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 22/3/2017.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại Bàn Văn D và bị cáo Trịnh Văn T về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm như sau:

Bị cáo Trịnh Văn T phải bồi thường cho anh Bàn Văn D tổng số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); được trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường trước là 5.000.000đ (Năm triệu đồng); bị cáo Trịnh Văn T còn phải bồi thường tiếp số tiền là **95.000.000đ** (Chín mươi lăm triệu đồng).

Khoản tiền bồi thường, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm nộp tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

Tách phần chi phí lắp mắt giả của bị hại Bàn Văn D để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn khởi kiện của bị hại kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 CAT;
- Sở Tư pháp t. Tuyên Quang;
- TAND huyện SD;
- VKSND, Công an huyện SD;
- Chi cục THADS h. SD;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Oanh